

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày 06 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thị Chúc.

Ông Nguyễn Văn Ngự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời ngày mở phiên tòa hình sự sơ thẩm số: 97/2021/TB-TA ngày 20 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời ngày mở phiên tòa hình sự sơ thẩm số: 24/2021/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lý Thị Vành N, sinh năm 1981, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Khmer (Khơ me); Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý B, sinh năm 1963 và bà Thạch Thị S1, sinh năm 1966; Chồng tên Phạm Trọng Đ, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 21-02-2020 bị Công an xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (bán số lô, số đề); Ngày 28-02-2020 đã nộp phạt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-4-2021 cho đến nay.

2. Thạch Thị S, sinh năm 1966, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khmer (Khơ me); Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch T, sinh năm 1930 và bà Lâm Thị C, sinh năm 1929; Chồng tên Lý B, sinh năm 1963 và có 03 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 21-02-2020 bị Công an

xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi đánh bạc (mua số lô, số đề); Ngày 12-10-2020 đã nộp phạt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-4-2021 cho đến nay.

3. Lý Thị H, sinh năm 1966, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Khmer (Khơ me); Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý S, sinh năm 1928 và bà Lâm Thị H, sinh năm 1929; Chồng tên Cao R, sinh năm 1961 và có 03 con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 26-8-2020 bị Công an xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Ngày 01-12-2020 đã nộp phạt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-4-2021 cho đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H: Bà Lương Thị Ngọc H –Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ nơi làm việc: Số xxx, Đường V, Phường x, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Vương Thị Pha L, sinh năm 1983. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Lý Thị N, sinh năm 1964. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Thạch L, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Lâm Thị Ngọc Ch, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 01-01-2021, tại nhà bị cáo Thạch Thị S thuộc Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bị cáo S cùng bị cáo Lý Thị H, bà Lý Thị N, bà Vương Thị Pha L, ông Thạch L, ông Trần Văn Tr đánh bạc bằng hình thức chơi bài tới 05 lá được thua bằng tiền, mỗi ván bài thắng, thua số tiền 2.000

đồng; Bị cáo Lý Thị Vành N đánh bạc bằng hình thức bán số đề (số đầu – đuôi; số đá). Hình thức bán số đầu – đuôi là lô có hai số (lô đầu) và hai số đuôi của dãy số đặc biệt (06 số) của kết quả đài xổ số kiến thiết, tỷ lệ 01 trúng 70 lần (tức mua 1.000 đồng trúng thưởng 70.000 đồng). Hình thức bán số đá là cặp số có hai số, được tính thắng thua theo hai số cuối cùng của 18 lô của kết quả đài xổ số kiến thiết, tỷ lệ 01 trúng 600 lần (tức mua 1.000 đồng trúng thưởng 600.000 đồng). Đến khoảng 15 giờ 00 phút, cùng ngày thì bị phát hiện, lập biên bản vi phạm, tạm giữ số tiền 3.731.000 đồng và vật chứng liên quan.

Tại cơ quan điều tra bị cáo N khai nhận: Vào ngày 01-01-2021, khi thấy một số người đánh bài tới được thua bằng tiền tại nhà bị cáo S (mẹ ruột của bị cáo Na), bị cáo N đã bán số đề (số đầu – đuôi; số đá) đài Vĩnh Long, đài Trà Vinh như sau: Bán số đề con số 09 (đầu - đuôi 02 đài) cho bị cáo S số tiền 10.000 đồng; bán số đề con số 68 (đầu - đuôi 02 đài) cho bị cáo H số tiền 10.000 đồng; bán số đề cặp số đá (44 - 04 02 đài) cho bà Năm số tiền 35.000 đồng; bán số đề con số 62 (đầu - đuôi đài Vĩnh Long) cho ông Ly số tiền 10.000 đồng; Bị cáo Na tự ghi mua số đề con số 34 (đầu - đuôi 02 đài) số tiền 20.000 đồng. Bị cáo N bị tạm giữ số tiền 222.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo N khai bán số đề cho bà Châu con số 41, 42 (đầu - đuôi 02 đài) số tiền 40.000 đồng và cặp số đá (41, 42 02 đài) số tiền 35.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra bị cáo S khai nhận: Bị cáo S dùng số tiền 63.000 đồng để đánh bạc (số tiền dùng để đánh bài là 53.000 đồng; số tiền mua số đề là 10.000 đồng). Bị cáo S đánh bài khoảng 17 ván, thắng được số tiền 62.000 đồng, mua số đề con số 09 (đầu - đuôi 02 đài) số tiền 10.000 đồng, chưa trả tiền mua số đề cho bị cáo N. Bị cáo S tự nguyện giao nộp số tiền 125.000 đồng. Số tiền bị cáo S đánh bạc là 63.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra bị cáo H khai nhận: Bị cáo H dùng số tiền 175.000 đồng để đánh bạc (số tiền dùng để đánh bài là 165.000 đồng; số tiền mua số đề là 10.000 đồng). Bị cáo H đánh bài khoảng 17 ván, thua số tiền 12.000 đồng, mua số đề con số 68 (đầu - đuôi 02 đài) số tiền 10.000 đồng, đã trả tiền mua số đề cho bị cáo N. Bị cáo H tự nguyện nộp số tiền 153.000 đồng. Số tiền bị cáo H đánh bạc là 175.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra bà Lý Thị N khai nhận: Bà Năm dùng số tiền 229.000 đồng để đánh bạc (số tiền dùng để đánh bài là 194.000 đồng; số tiền mua số đề là 35.000 đồng). Bà Năm đánh bài được 03 ván, thua 6.000 đồng, mua cặp số đá (44 - 04 02 đài) số tiền 35.000 đồng, đã trả tiền mua số đề cho bị cáo N. Bà Năm tự nguyện nộp số tiền 188.000 đồng. Số tiền bà Năm đánh bạc là 229.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra ông Thạch L khai nhận: Ông Ly đem theo số tiền 410.000 đồng, sử dụng số tiền 20.000 đồng để đánh bạc (số tiền dùng để đánh bài là 10.000 đồng; số tiền mua số đề là 10.000 đồng). Ông L đánh bài được 02 ván, thua số tiền 4.000 đồng, mua số đề con số 62 (đầu - đuôi đài Vĩnh Long) số tiền 10.000 đồng, đã trả tiền mua số đề cho bị cáo N. Ông L tự nguyện nộp số tiền 396.000 đồng. Số tiền ông L đánh bạc là 20.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra ông Trần Văn Tr khai nhận: Ông Tr dùng số tiền 80.000 đồng để đánh bạc. Ông Tr đánh bài được 03 ván, thua số tiền 6.000 đồng. Ông Tr tự nguyện nộp số tiền 74.000 đồng. Số tiền ông Tr đánh bạc là 80.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, bà Vương Thị Pha L khai nhận: Bà Pha L đem theo số tiền 2.607.000 đồng, sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc. Bà Pha L đánh bài được khoảng 17 ván, thua số tiền 34.000 đồng. Bà Pha L tự nguyện nộp số tiền 2.573.000 đồng. Số tiền bà Pha L đánh bạc là 100.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành đã tạm giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: Tạm giữ của bị cáo N 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Newsday, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) Trang giấy tập học sinh đã cũ ghi nhiều con số lô, số đề; 17 (mười bảy) Quyền tập học sinh đã cũ; 01 (một) Cây viết mực màu đen, nhãn hiệu Thiên Long và tiền Việt Nam 222.000 đồng. Tạm giữ của bị cáo S 01 (một) Bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 125.000 đồng. Tạm giữ của bị cáo H tiền Việt Nam 153.000 đồng. Tạm giữ của bà Pha L 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 2.573.000 đồng. Tạm giữ của ông L 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 396.000 đồng. Tạm giữ của bà Năm 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iel, màu xanh, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 188.000 đồng. Tạm giữ của ông Tr tiền Việt Nam 74.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu tài sản không liên quan đến vụ án gồm: Trả lại cho bị cáo N 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Newsday, màu đen, đã qua sử dụng; 17 (mười bảy) Quyền tập học sinh đã cũ và tiền Việt Nam 147.000 đồng. Trả lại cho bà Năm 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iel, màu xanh, đã qua sử dụng. Trả lại cho ông L 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 390.000 đồng. Trả lại cho bà Pha L 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 2.507.000 đồng. Các vật chứng còn lại tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định pháp luật. Đối với số tiền các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dùng để đánh bạc là 687.000 đồng đã gửi kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành.

- Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS-CT ngày 17-6-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 09/CT-VKS-CT ngày 17-6-2021 truy tố các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Qua phân tích tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s, Khoản 1, Khoản

2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo, xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước; Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) Cây viết mực màu đen, nhãn hiệu Thiên Long; 01 (một) Bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng và tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền Việt Nam 687.000 đồng.

Tại bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H, người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng xử phạt các bị cáo số tiền thấp nhất mà khung hình phạt quy định.

Bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Phát biểu tranh luận, bị cáo N thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không tranh luận bổ sung. Bị cáo N không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Phát biểu tranh luận, bị cáo S thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng bị cáo S xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Phát biểu tranh luận, bị cáo H thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng bị cáo H xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; Kiểm sát viên đều phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bào chữa cho các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H là bà Lương Thị Ngọc Hân có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thạch L, ông Trần

Văn Tr, bà Lâm Thị Ngọc Ch vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án, trường hợp cần thiết đề nghị Hội đồng xét xử công bố lời khai của người tham gia tố tụng vắng mặt theo quy định tại Điều 291, Điều 292, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, người bào chữa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đã gửi cho Tòa án luận cứ bào chữa cho các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông L, ông Tr, bà Châu vắng mặt và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ vào các Điều 291, Điều 292, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng hành vi phạm tội, không oan sai cho các bị cáo; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, cũng như lời khai tại phiên tòa; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Biên bản kiểm tra ngày 01-01-2021; Biên bản khám nghiệm hiện trường; các Biên bản về việc nhận diện hình ảnh người tham gia đánh bạc; cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 01-01-2021, tại nhà bị cáo S thuộc Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị cáo N, bị cáo Sóc, bị cáo H đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, cụ thể: Bị cáo S cùng bị cáo H, bà Năm, bà Pha L, ông L, ông Tr đánh bạc bằng hình thức chơi bài tới 05 lá được thua bằng tiền, mỗi ván bài thắng, thua số tiền 2.000 đồng. Số tiền đánh bạc chứng minh được là 602.000 đồng; bị cáo N bán số đề (đầu - đuôi) cho bị cáo S con số 09, đài Trà Vinh, đài Vĩnh Long số tiền 10.000 đồng; bán số đề (đầu - đuôi) cho bị cáo H con số 68, đài Trà Vinh, đài Vĩnh Long số tiền 10.000 đồng; bán cho bà Năm cặp số đá (44 - 04) đài Trà Vinh, đài Vĩnh Long số tiền 35.000 đồng; bán số đề (đầu - đuôi) cho ông L con số 62, đài Vĩnh Long số tiền 10.000 đồng; bị cáo N tự ghi mua số đề (đầu - đuôi) con số 34, đài Trà Vinh, đài Vĩnh Long số tiền 20.000 đồng. Số tiền đánh bạc chứng minh được là 85.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 00 phút, cùng ngày (chưa có kết quả xổ số kiến thiết) thì bị phát hiện, lập biên bản vi phạm, tạm giữ vật chứng liên quan.

[4] Tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “1. *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[5] Đối chiếu với quy định diện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn vi phạm. Bị cáo S, bị cáo H cùng bà Năm, bà Pha L, ông L, ông Tr đánh bạc trái phép (bài tới 05 lá) số tiền 602.000 đồng; bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H, bà Năm, ông L đánh bạc trái phép (mua, bán số đề) số tiền 85.000 đồng. Tuy số tiền các bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, nhưng các bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[7] Xét hành vi phạm tội của bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H, Hội đồng xét xử xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo N bán số đề (đầu – đuôi; số đá) cho bị cáo S, bị cáo H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo S và bị cáo H tham gia đánh bài và mua số đề (đầu – đuôi). Như vậy, vai trò của mỗi bị cáo đều là người thực hành nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[8] Hành vi phạm tội của bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự, làm gia tăng tệ nạn xã hội tại phương, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nhiều tội phạm khác. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là không lớn nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với những người thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải.

[9] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Về nhân thân thì bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H đều có nhân thân xấu, chưa có tiền án nhưng đã có 01 tiền sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo N mắc bệnh hiểm nghèo (bệnh HIV); các bị cáo đều là người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp nên khả năng hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo N đang điều trị bệnh hiểm nghèo (HIV), các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt tiền đối với các bị cáo mức khởi điểm mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, đủ sức giáo dục, răn đe đối với các bị cáo; đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 (một) Cây viết mực màu đen, nhãn hiệu Thiên Long là tài sản của bị cáo N dùng để ghi số đề; 01 (một) Bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo S dùng để đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với vật chứng là tiền Việt Nam 687.000 đồng, đây là số tiền bị cáo Na, bị cáo S, bị cáo H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[13] Đối với hành vi đánh bạc của bà Lý Thị N, ông Thạch L, ông Trần Văn Tr, bà Vương Thị Pha L: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Năm, ông L, ông Tr, bà Pha L cùng bị cáo S, bị cáo H đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi bài 05 lá được thu bằng tiền; bà Năm, ông L mua số đề của bị cáo N. Tuy nhiên, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, những người này đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, cũng chưa bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo quy định tại Điều 321, Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bà Năm, ông L đã bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 1.200.000 đồng; bà Pha L, ông Tr đã bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Đối với hành vi của bà Lâm Thị Ngọc Ch: Bị cáo N khai vào ngày 01-01-2021, tại nhà của bị cáo S, bị cáo N bán số đề (đầu – đuôi) cho bà Ch con số 41, 42 đài Vĩnh Long, đài Trà Vinh số tiền 40.000 đồng và cặp số đá 41, 42 đài Vĩnh Long, đài Trà Vinh số tiền 35.000 đồng. Tuy nhiên, các lời khai trong hồ sơ vụ án đều thể hiện bà Ch không thừa nhận có mua số đề của bị cáo N, ngoài lời khai của bị cáo N thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bà Ch có mua số đề của bị cáo N nên không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Ch.

[15] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo N, bị cáo S, bị cáo H là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều là người dân tộc Khmer cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 291; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên xử:

1. Xử phạt tiền bị cáo Lý Thị Vành N số tiền 20.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Xử phạt tiền bị cáo Thạch Thị S số tiền 20.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Xử phạt tiền bị cáo Lý Thị H số tiền 20.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H.

5. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) Cây viết mực màu đen, nhãn hiệu Thiên Long; 01 (một) Bộ bài tây 52 lá, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền Việt Nam 687.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

6. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Lý Thị Vành N, Thạch Thị S, Lý Thị H thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có *QLNVLQ* đến vụ án;
- *VKSND* huyện Châu Thành;
- *CQĐT Công an* huyện Châu Thành;
- Chi cục *THADS* huyện Châu Thành;
- *TAND* tỉnh Sóc Trăng;
- *VKSND* tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: *HSVA*.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt